

Bản án số: 45/2018/DS-ST

Ngày: 05/9/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Minh Tấn

2. Bà Trần Thị Năm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Kim- cán bộ Tòa án nhân dân huyện T1 Thạnh.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-DS ngày ngày 30 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 25/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An .

2. *Bị đơn:* anh Phan Nhựt T1, sinh năm 1981

Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1984

Nơi cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 16/11/2016 bà T2 viết biên nhận vay 15.000.000đồng nhưng anh T1 đến nhận tiền có viết biên nhận cho bà. Đến ngày 24/02/2017 bà T2 viết biên nhận vay 17.000.000đồng nhưng anh T1 nhận tiền và lại viết biên nhận cho bà, anh T1 vay 02 lần tổng cộng 32.000.000đồng, khi vay anh T1 hẹn 01 tháng trả, nhưng không trả. Ngày 17/01/2017 anh T1 hứa mỗi tháng trả cho bà 10.000.000đồng và sau đó anh T1 không trả. Đến ngày 10/3/2018 anh T1 đưa tiền nhờ mẹ anh là bà Thái Thị Mười trả cho bà 5.000.000đồng đến nay.

Nay bà yêu cầu anh T1 trả 27.000.000đồng tiền gốc và tính lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử. Trường hợp anh T1 không trả thì bà T2 liên đới cùng anh T1 trả số tiền 27.000.000đồng.

Bị đơn anh Phan Nhựt T1 trình bày: Ngày 16/11/2016 anh có nhờ chị Trần Thị Ngọc T2 giới thiệu và bảo lãnh vay bà H 47.000.000đồng (vay nhiều lần), sau đó anh trả được 15.000.000đồng, còn nợ lại 32.000.000đồng nên anh có viết 02 biên nhận như bà H khai. Đến ngày 10/3/2018 anh đưa bà Thái Thị M (mẹ anh T1) 5.000.000đồng trả cho bà H.

Hiện nay anh T1 thừa nhận còn nợ bà H 27.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 3.000.000đồng, còn tiền lãi đồng ý tính từ ngày 01/01/2018 theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc T2 trình bày: Ngày 16/11/2016 chị có viết biên nhận mượn số tiền 15.000.000đồng của bà H để bảo lãnh cho anh T1. Đến ngày 24/02/2017 chị viết thêm biên nhận mượn số tiền 17.000.000đồng cho anh T1 và hai bên hẹn 01 tháng sau hoàn trả, nhưng sau đó do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên anh T1 không trả bà H.

Nay chị yêu cầu anh T1 và bà H thỏa thuận được với nhau còn không thì chị bàn bạc với anh T1 để trả 01 lần 20.000.000đồng theo yêu cầu của bà H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phan Nhựt T1 và chị Trần Thị Ngọc T2 vào ngày 16/11/2016 cùng viết biên nhận vay bà H 15.000.000đồng, đến ngày 24/02/2017 anh T1 và chị T2 viết biên nhận vay thêm của bà H 17.000.000đồng, trong 02 biên nhận vay tiền không có nội dung bảo lãnh. Nay các bên xảy ra tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bà H khai thông qua quen biết chị Trần Thị Ngọc T2 nên bà cho T1 vay tiền 02 lần như sau: Ngày 16/11/2016 anh T1 viết biên nhận vay 15.000.000đồng và đến ngày 24/02/2017 anh T1 viết biên nhận vay thêm số tiền 17.000.000đồng, tổng cộng 32.000.000đồng số tiền này anh T1 nhận trực tiếp của bà H. Còn anh T1 khai có nhờ chị T2 giới thiệu và bảo lãnh có vay bà H nhiều lần 47.000.000đồng và trả được tiền gốc 20.000.000đồng và tiền lãi mỗi tháng 4.230.000đồng, đến tháng 8/2017 bà H đưa qua tiền vay tháng 32.000.000đồng nên anh viết biên nhận vay như bà H khai. Sau đó anh trả được 5.000.000đồng nên còn nợ 27.000.000đồng và anh T1 xin trả nhiều lần đến khi hết nợ.

[3]Xét thấy Tòa án có thông báo cung cấp chứng cứ chứng minh lời khai của mình tại biên bản hòa giải ngày 09/7/2018, nhưng đến nay anh T1 không chứng minh được là anh có trả bà H số tiền gốc 20.000.000đồng và tiền lãi mỗi tháng 4.230.000đồng, nhưng tại phiên tòa anh T1 thừa nhận có viết 02 (hai) biên nhận vay nợ ngày 16/11/2016 và ngày 24/02/2017 và anh T1 có hẹn 01 tháng trả nợ bà H. Như vậy lời khai của anh T1 tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ bà H cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận nợ ngày 16/11/2016 và ngày 24/02/2017 và trong biên nhận anh T1 hẹn thời gian 01 tháng hoàn trả cho H nhưng anh T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng với bà H, nên bà H yêu cầu anh T1 trả nợ là phù hợp.

[4]Đối với bà Thái Thị M mẹ ruột anh T1, tại bản tự khai ngày 09/7/ 2018 là vào ngày 10/3/2018 anh T1 có giao bà 5.000.000đồng để nhờ bà trả cho bà H và tại phiên tòa bà H thừa nhận có nhận 5.000.000đồng của bà M trả. Như vậy đối với số nợ trong 02 biên nhận ngày 16/11/2016 và ngày 24/02/2017 của anh T1 vay tiền bà H 32.000.000đồng đã được trừ vào số tiền gốc anh T1 nợ, nên còn nợ lại bà H 27.000.000đồng là phù hợp, do đó Tòa án không đưa bà M vào tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5]Còn đối với chị T2 thông qua quen biết bà H nên viết biên nhận nợ của bà H vào các ngày 16/11/2016 vay số tiền 15.000.000đồng và ngày 24/02/2017 viết tiếp biên nhận vay 17.000.000đồng trong 02 biên nhận trên chị T2 có ký tên. Xét thấy tại biên bản hòa giải và phiên tòa bà H thừa nhận chị T2 có viết 02 biên nhận nợ cho bà nhưng thực tế anh T1 là người trực tiếp đến nhận tiền của bà H 32.000.000đồng thực ra chị T2 không nhận tiền của bà H, và việc nhận tiền vay anh T1 đã thừa nhận với bà H và đồng ý trả cho bà H, vì vậy nghĩa vụ trả nợ của chị T2 không còn đối với 02 biên nhận vay tiền của bà H ngày 16/11/2016 và

24/02/2017 mà việc trả nợ này đã chuyển giao nghĩa vụ cho anh T1. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T2 tự nguyện đồng ý liên đới cùng với anh T1 trả 27.000.000đồng cho bà H và được bà H chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T2, nên anh T1 và chị T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ bà H là phù hợp.

[6]Về lãi suất, tại biên nhận nợ ngày 16/11/2016 và 24/02/2017 anh T1 ký nhận và hẹn bà H trong 01 tháng hoàn trả, nhưng đến thời gian trả anh T1 không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ với bà H. Tại phiên tòa bà H yêu cầu anh T1 trả lãi theo quy định pháp luật và thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử là ngày 05/9/2018 là 08 tháng 04 ngày là có lời cho anh T1 và anh T1 đồng ý. Tuy nhiên do biên nhận nợ hai bên bà H và anh T1 không ghi nhận về mức lãi suất, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất 10%/năm tức là 0,8333%/tháng tính như sau:

$$27.000.000 \text{ đồng} \times 0,8333\% \times 08 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 1.829.850 \text{ đồng}$$

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử buộc anh T1 và chị T2 có nghĩa vụ liên đới trả bà H tiền gốc 27.000.000đồng và tiền lãi 1.829.850đồng, tổng cộng 02 khoản là 28.829.850đồng.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 và chị T2 có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

2.Buộc anh Phan Nhựt T1 và chị Trần Thị Ngọc T2 có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị H số tiền 28.829.850đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín ngàn tám trăm năm chục đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Phan Nhựt T1 và chị Trần Thị Ngọc T2 phải chịu 1.441.493 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 877.500 đồng theo biên lai thu số 0004006 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1 Thạnh.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoàng